TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG **TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 258/2022/QĐST-HNGĐ	*Sơn Trà, ngày 20 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 247/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về việc *"Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung"* gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trương Châu L, sinh năm 1976; địa chỉ: Số 04 Trương Hán S, tổ 39 An T, phường B, quận S, thành phố Đà Nẵng và bà Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1992; địa chỉ: Lô 17 B3-13 Lê Văn D, phường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trương Châu L và bà Nguyễn Thị Bích T kết hôn với nhau vào năm 2014, đăng ký kết hôn tại UBND phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng (số 158/2014 quyển số I/2014, ngày 03/9/2014). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, sau khi kết hôn vợ chồng sống tại Lô 17 B3-13 Lê Văn D, phường Đ, quận S, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, không hòa hợp, không có tiếng nói chung và hay cãi vả. Hiện tại ông L về nhà cha mẹ ông tại số 04 Trương Hán S, tổ 39,

An T, phường B, quận S, thành phố Đà Nẵng sống. Ông L, bà T sống không hạnh phúc và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét, mâu thuẫn giữa ông L, bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng sống không hạnh phúc nên cả hai tự nguyện thuận tình ly hôn. Do vậy, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương Châu L và bà Nguyễn Thị Bích T là phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Ông L và bà T xác nhận có hai con chung tên Trương Khánh A, sinh ngày 04/4/2016 và Trương Khánh Đ, sinh ngày 09/7/2017. Ly hôn, ông L và bà T thỏa thuận: Ông Trương Châu L nhận trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con Trương Khánh A, sinh ngày 04/4/2016 và bà Nguyễn Thị Bích T nhận trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con Trương Khánh Đ, sinh ngày 09/7/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Ông L và bà T tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* Ông L và bà T xác nhận không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] *Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông L và bà T mỗi người phải chịu 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Việc thuận tình ly hôn của các đương sự được ghi trong Biên bản thuận tình ly hôn lập ngày 12 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Trương Châu L và bà Nguyễn Thị Bích T *(Giấy chứng nhận kết hôn số 158/2014 quyển số I/2014, do Uỷ ban nhân dân phường An Hải Bắc, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng cấp cho ông Long và bà Thành ngày 03/9/2014 không còn giá trị pháp lý).*

- Về con chung: Ông Trương Châu L nhận trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con Trương Khánh A, sinh ngày 04/4/2016 và bà Nguyễn Thị Bích T nhận trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng con Trương Khánh Đ, sinh ngày 09/7/2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Các bên đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông Trương Châu L và bà Nguyễn Thị Bích T mỗi người phải chịu 150.000đ *(Một trăm năm mươi ngàn đồng)*. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình là 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* ông Trương Châu L và bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp tại biên lai thu số 0006580 ngày 02/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông L và bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *VKSND quận Sơn Trà;*
- *Chi cục THADS quận Sơn Trà;*
- *UBND phường An Hải Bắc;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Vũ